

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/DS-PT

Ngày: 06-9-2024

V/v: Tranh chấp liên quan đến tài sản bị
cưỡng chế để thi hành án; Yêu cầu hủy
quyết định hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai; Yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên

Bà Phạm Thị Anh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Hồng Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án; Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1951 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đạo Văn M, sinh năm: 1981 theo

Văn bản ủy quyền ngày 29/8/2022 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích T1 - Luật sư Văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Q, sinh năm: 1946 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Văn S, sinh năm: 1961 theo Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2024 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản trình bày và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đạo Văn M trình bày:

Ông đề nghị Toà án giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Xác định các tài sản đang tồn tại trên thửa đất 02 tờ bản đồ số 27 xã C, huyện T thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T.

2. Yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 8140/QĐ ngày 14/12/2004 và Quyết định số 927/QĐ ngày 15/4/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (gọi tắt là *Quyết định 8140* và *Quyết định 927*).

3. Yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (được viết tắt là GCNQSDĐ) số AK 461041 ngày 02/7/2007 do Ủy ban nhân dân (được viết tắt là UBND) huyện N (nay là huyện T) cấp cho bà Võ Thị Q, vì lý do: Bà Nguyễn Thị T nghi ngờ GCNQSDĐ số AK 46041 do UBND huyện N cấp cho bà Võ Thị Q ngày 02/7/2007 là giấy giả, vì GCNQSDĐ này không có hồ sơ lưu, không có căn cứ pháp lý, chưa được Toà án xem xét theo quy định của luật tố tụng.

4. Yêu cầu Toà án huỷ Quyết định 8140 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận, lý do quyết định này ban hành không đúng thẩm quyền, vì: Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án, do đó UBND tỉnh Ninh Thuận giải quyết là trái thẩm quyền; Quyết định 8140 không thể hiện diện tích thửa đất, không thể hiện tứ cận thửa đất phù hợp

với giấy sang nhượng của ông Q1 sang nhượng cho bà Q.

5. Yêu cầu huỷ Quyết định 927 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận với lý do, nội dung Quyết định 927 không thể hiện rõ ràng, quy chủ quyền sử dụng đất bà Võ Thị Q và UBND huyện N là một, thiếu khách quan khi ban hành quyết định này, cụ thể, Quyết định 927 công nhận Quyết định 1299/QĐ nghĩa là công nhận quyền sử dụng đất thuộc UBND huyện N quản lý, đồng thời công nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của bà Võ Thị Q.

6. Bà T yêu cầu huỷ GCNQSD đất số AK 461041 cấp ngày 02/7/2007; Yêu cầu huỷ Quyết định 8140 và Quyết định 927, vì vậy thẩm quyền huỷ tất cả các quyết định này là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án phải đưa UBND huyện T, UBND huyện N, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông M không đồng ý với việc Tòa án lấy lời khai của ông. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận để giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã triệu tập đại diện hợp pháp của bà T đến làm rõ nội dung vụ kiện, tuy nhiên ông Đạo Văn M chỉ nộp bản trình bày và yêu cầu Tòa án không lấy lời khai của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện của bà T và trình bày rõ nội dung những tài sản ông yêu cầu công nhận quyền sở hữu gồm 01 giếng nước, 01 cây dừa ăn, 01 nhà tạm móng đá chẻ và đất nâng nền trên diện tích đất bà Q tranh chấp với bà T năm 2013(nay thuộc một phần thửa đất số 02 tờ bản đồ số 27 xã C) - các tài sản trên đất này là của ông Nguyễn Văn Q1 chuyển nhượng cho bà T năm 2002. Căn cứ chứng minh các tài sản này là của ông Q1 dựa trên biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của UBND xã P (nay là xã C) năm 1996 đối với hộ ông Q1.

Đối với việc đo đất nâng nền, đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để tiến hành thẩm định, định giá lại đối với tài sản tranh chấp vì tại buổi định giá ngày 13/6/2024 Hội đồng đã không tiến hành định giá đối với các tài sản tranh chấp trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm:

- Đề nghị Hội đồng xét xử xác định toàn bộ tài sản đang tồn tại trên đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T và bà T có nguyện vọng được nhận bằng hiện vật;

- Yêu cầu huỷ GCNQSDĐ số AK 461041, với lý do bà Nguyễn Thị T nghi ngờ giấy chứng nhận này là giả, cụ thể: Năm 2012, bà Võ Thị Q đã dùng chứng cứ giả là GCNQSDĐ trên để làm cơ sở pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất để yêu cầu Toà án giải quyết. GCNQSDĐ số AK 461041 là giấy giả, được bà Q in ra từ máy in, không có hồ sơ lưu;

- Yêu cầu huỷ Quyết định 8140 và Quyết định 927 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận, vì Quyết định 927 do UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành trái thẩm quyền, không phù hợp quy định pháp luật, không xác định được chủ sử dụng đất là ai, không xác định được vị trí tự cận rõ ràng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án sang Cơ quan cảnh sát điều tra để làm rõ vì bà Võ Thị Q có dấu hiệu của hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đỗ Văn S trình bày:

Ông giữ nguyên lời trình bày và các ý kiến của bị đơn tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông trình bày bổ sung như sau:

Thửa đất số 02 tờ bản đồ số 27 xã C diện tích là 5.573m² có nguồn gốc là của bà Q nhận chuyển nhượng từ ông Q1. Năm 2007 bà Q được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 02. Ông xác định năm 2013, bà Q khởi kiện bà T yêu cầu bà T phải trả lại phần diện tích đất là 669m² (đo đạc thực tế là 599m²) thuộc một phần thửa đất số 02 do bà T lấn chiếm của bà Q. Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2013/DS-PT đã quyết định công nhận 599m² đất cho bà Q và buộc bà T phải giao trả 599m² đất cho bà Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm năm 2013, bà T có khai phần diện tích 599m² tranh chấp giữa bà Q và bà T có nguồn gốc là do bà T nhận chuyển nhượng từ ông Q1 và khi nhận chuyển nhượng trên đất của ông Q1 có 01 giếng nước, 01 cây dừa, 01 nhà tạm kiềng đá chẻ, sau khi chuyển nhượng bà T đã tháo dỡ nhà tạm, kiềng nhà, san ủi giếng nước và đổ đất nâng nền, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã không giải quyết trong giai đoạn phúc thẩm mà đã tuyên cho các bên khởi kiện

thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Nay, bà T khởi kiện bà Q tranh chấp các tài sản trên phần đất 599m² thuộc một phần thửa đất số 02, gồm: 01 giếng nước, 01 cây dừa, 01 nhà tạm kiềng đá chẻ và đất nâng nền thì ông có ý kiến như sau:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T vì các tài sản trên là của ông Q1, bà U chuyển nhượng cho bà Q, riêng đối với việc đổ đất nâng nền thì ông khẳng định bà T không thực hiện việc đổ đất nâng nền trên diện tích 599m².

Đối với yêu cầu hủy các quyết định hành chính, cũng như GCNQSDĐ mà UBND huyện N cấp cho bà Q thì ông không đồng ý vì bản án số 38/2013/DS-PT đã công nhận 599m² là của bà Q. Khi bà Q khởi kiện bà T tranh chấp 599m² đất thì thửa đất số 02 đã được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ, trong quá trình xét xử, bà T đã có yêu cầu phản tố đề nghị hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện N đã cấp cho bà Q đối với thửa đất số 02 và bản án phúc thẩm đã không chấp nhận yêu cầu này của bà T.

Tại bản án dân sự số 04/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 6, khoản 2, 12 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 90, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 165, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc xác định các tài sản đang tồn tại trên thửa đất số 02 tờ bản đồ số 27 xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận thuộc quyền sở hữu của bà.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc hủy Quyết định số 8140/QĐ ngày 14/12/2004, Quyết định số 927/QĐ ngày 15/4/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 461041 ngày 02/7/2007 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Võ Thị Q.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/3/2024, bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm số

04/2024/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện T với nội dung: Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST của Tòa án nhân huyện T vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bà T trình bày rõ nội dung kháng cáo cụ thể như sau:

Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện T vì có vi phạm thủ tục tố tụng cũng như nội dung :

+ Vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T có yêu cầu hủy GCNQSDĐ và quyết định hành chính cá biệt của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, vì vậy, việc Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền.

+ Tòa án nhân huyện T đã không đưa UBND huyện T và UBND tỉnh Ninh Thuận vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

+ Bản án dân sự số 04/2024/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên 02 thời gian kháng cáo khác nhau trong cùng một bản án là vi phạm tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T.

+ Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là không đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn, hủy án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: Đã không đưa UBND huyện T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; đã thụ lý sai thẩm quyền vì trong vụ kiện có yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt là GCNQSDĐ và quyết định của UBND cấp tỉnh; tại bản án sơ thẩm đã tuyên 02 thời hạn thực hiện quyền kháng cáo là 07 ngày và 15 ngày là không đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của

nguyên đơn. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án, yêu cầu hủy quyết định cá biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là chưa đầy đủ. Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án, yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt là GCNQSDD*”

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị tạm dừng phiên tòa để tiến hành thành lập hội đồng đo đạc, định giá lại tài sản tranh chấp, nhận thấy:

Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu định giá, không nộp tiền tạm ứng chi phí đo đạc, định giá mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện T ra quyết định cung cấp chứng cứ (BL 70,71). Và khi Tòa án tiến hành việc thẩm định, định giá tài sản thì phía nguyên đơn không tham gia dù đã được tổng đạt hợp lệ quyết định định giá tài sản (BL 109).

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá ngày 13/6/2024, tại buổi đo đạc định giá, phía nguyên đơn đã không phối hợp xác định mốc giới phân diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu của Hội đồng đo đạc, định giá, do đó, Hội đồng định giá đã không thể tiến hành đo đạc, thẩm định và định giá tài sản. Như vậy, cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã thực hiện việc thu thập chứng cứ thông qua thẩm định, định giá tài sản, tuy nhiên phía nguyên đơn không hợp tác, Hội đồng định giá đã lập biên bản, ông M đã khiếu nại về việc Hội đồng không tiến hành định giá, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết và bác yêu cầu khiếu nại của ông M. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tạm dừng phiên tòa để tiến hành đo đạc, định giá tài sản của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, có nội dung như sau:

[3.1] Kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý sai thẩm quyền vì trong vụ án có yêu cầu hủy quyết định cá biệt là GCNQSDĐ số AK 461041, Quyết định 8140 và Quyết định 927 của UBND tỉnh Ninh Thuận, nhận thấy:

Căn cứ Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc thực hiện Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì Tòa án cấp tỉnh chỉ thụ lý, giải quyết những vụ án dân sự có yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt rõ ràng trái pháp luật. Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy quyết định hành chính cá biệt và đã tuyên không chấp nhận yêu cầu này, như vậy việc Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ việc là đúng theo quy định của pháp luật, do đó, kháng cáo này của nguyên đơn không được chấp nhận.

[3.2] Kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã không đưa UBND huyện T và UBND tỉnh Ninh Thuận vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhận thấy:

Đối với yêu cầu hủy Quyết định 8140 và Quyết định 927 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận cũng như yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện N cấp cho bà Q năm 2007, các yêu cầu này đã được bà T làm đơn phản tố trong vụ án dân sự năm 2013 và đã được Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm xem xét giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu đưa UBND tỉnh Ninh Thuận và UBND huyện N vào tham gia tố tụng là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Kháng cáo cho rằng trong bản án số 04/2024/DS-ST đã tuyên 02 thời hạn kháng cáo khác nhau cho đương sự là trái quy định của pháp luật, nhận thấy:

Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên “*Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày và kháng cáo phần đình chỉ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án*” là chưa chính xác, bởi lẽ: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là một phần trong quyết định của một bản án, không phải là một quyết định độc lập, vì vậy việc tách từng phần ra để tuyên quyền kháng cáo cho đương sự là không đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên điều này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án cũng như không ảnh hưởng

đến quyền và nghĩa vụ của đương sự, vì vậy, không chấp nhận nội dung kháng cáo này của nguyên đơn.

[3.4] Kháng cáo đề nghị công nhận quyền sở hữu giá trị các tài sản trên đất gồm 01 nhà tạm, 01 giếng nước, 01 cây dừa, đất đổ nâng nền và yêu cầu được nhận hiện vật, nhận thấy:

Tại bản án phúc thẩm số 38/2013/DS-PT (BL 03), bà T trình bày *khi bà nhận chuyển nhượng đất của ông Q1 thì trên đất có tài sản là 01 giếng nước, 01 cây dừa, 01 nhà tạm móng đá chẻ, sau khi chuyển nhượng bà đã tiến hành tháo dỡ nhà tạm, san lấp kiềng nhà và giếng nước, hiện nay chỉ còn 01 cây dừa*. Bà T xác định các tài sản trên có nguồn gốc là của ông Q1 chuyển nhượng cho bà trên diện tích 599m²; ngoài lời trình bày, bà T còn xuất trình 01 biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của UBND xã P đối với hộ ông Q1 năm 1996 (BL 78) và 01 giấy tờ chuyển nhượng (BL 67) giữa ông Q1 với bà T. Xét thấy, các giấy tờ do bà T xuất trình chỉ là bản phô-tô, không có công chứng, chứng thực, không đáp ứng đủ điều kiện quy định về chứng cứ nên không được coi là chứng cứ trong vụ án. Riêng đối với phần đất đổ nâng nền, trong quá trình giải quyết, bà T không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh có việc đổ đất nâng nền (người được thuê đổ đất hoặc người biết sự việc bà đổ đất nâng nền, ..v.v..) ,vì vậy, nội dung kháng cáo này của bà T cũng không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T. Không chấp nhận quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T. Chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

[5] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá tài sản là 3.450.000 đồng. Bà T đã nộp đủ số tiền này.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà T là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T.

Áp dụng: Các điều 6, 26, 35, 90, 165, 147, 148, 217, 228, 285 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Võ Thị Q về việc yêu cầu công nhận các tài sản trên đất gồm 01 cây dừa, 01 giếng nước, 01 nhà tạm và đất nâng nền là của bà.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc huỷ Quyết định số 8140/QĐ ngày 14/12/2004, Quyết định số 927/QĐ ngày 15/4/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 461041 ngày 02/7/2007 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Võ Thị Q.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí định giá tài sản tại cấp sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho bà Võ Thị Q chi phí xem xét thẩm định, định giá là 3.400.000 đồng.

3.2. Về chi phí định giá tài sản tại cấp phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ 3.450.000 đồng chi phí định giá tài sản tại cấp phúc thẩm và đã nộp đủ.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06/9/2024)./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện T (1);
- Chi cục THADS huyện T (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Diệu